

GIÁ TRỊ GIÁO HUẤN VÀ CẢNH BÁO CỦA TỤC NGỮ TIẾNG HÀN CÓ YẾU TỐ CHỈ CON CHÓ (TRONG MỐI LIÊN HỆ VỚI TIẾNG VIỆT)

EDUCATIONAL AND WARNING VALUES OF KOREAN PROVERBS WITH DOG ELEMENTS (IN RELATION TO VIETNAMESE)

*Hoàng Thị Yến**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/12/2021

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 03/06/2022

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/06/2022

Tóm tắt: Tục ngữ là biểu thức cố định có kết cấu câu ngắn gọn, có vần điệu và cấu trúc ổn định chuyển tải thông điệp nghệ thuật. Bên cạnh các chức năng phê phán, châm biếm và truyền kinh nghiệm, tục ngữ có giá trị giáo huấn và cảnh báo sâu sắc. Nếu như giá trị giáo huấn định hướng con người một cách tích cực về những giá trị tốt đẹp, thì giá trị cảnh báo như tiếng chuông cảnh tỉnh con người về những hiểm họa, nguy hiểm cần tránh xa. Trong bài viết này, các phương pháp miêu tả, phân tích thành tố nghĩa được chúng tôi lựa chọn sử dụng giúp làm rõ giá trị giáo huấn, cảnh báo của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó. Giá trị giáo huấn của các đơn vị tục ngữ thể hiện ở tính nhân văn, coi trọng thể diện và lễ nghi, bổn phận; đề cao lòng biết ơn và giá trị của lao động; đề cao bản lĩnh sống của con người. Giá trị cảnh báo của các đơn vị tục ngữ hướng tới những mối nguy hiểm, kẻ xấu và luật nhân quả. Kết quả phân tích cũng cho thấy, hai dân tộc Hàn - Việt có nhiều điểm tương đồng bên cạnh một vài nét khác biệt về cách thức tri nhận, liên tưởng cũng như phương thức biểu đạt.

Từ khóa: giá trị giáo huấn, giá trị cảnh báo, yếu tố chỉ con chó, tục ngữ tiếng Hàn, tục ngữ tiếng Việt

Abstract: Proverbs are fixed expressions in the form of short sentences with rhyme and a stable structure that convey artistic messages. In addition to the functions of critique, satire, and experience communication, proverbs also have profound educational and warning values. While the educational value positively orients people to head towards the good, the warning value plays the role of a wake-up call for people to stay away from risks and dangers. In this article, we choose the methodologies of describing and analyzing semantic elements to clarify the educational and warning values of Korean proverbs with dog elements. The educational value of proverbial elements is expressed in the promotion of humanity, dignity, manners, and duties, as well as the high appreciation of gratitude, work values, and human courage in life. On the other hand, the warning value of proverbial elements refers to dangers, evildoers, and

* Trường Đại học quốc gia Hà Nội

the law of cause and effect. Analysis results also showed that Korean and Vietnamese people have many similarities alongside a few differences in the way of perceiving and associating things as well as a method of expression.

Keywords: educational value, warning value, dog elements, Korean proverbs, Vietnamese proverbs

I. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là phương tiện hàm chứa các giá trị văn hóa và văn hóa được biểu đạt một phần thông qua các phương tiện ngôn ngữ, sự biến đổi và phát triển của ngôn ngữ luôn gắn liền với những biến đổi và phát triển của văn hóa. Vì vậy muốn hiểu sâu về phong tục, tập quán, phương thức tư duy, cách thức tri nhận thế giới của dân tộc Hàn, chúng ta phải bắt đầu từ ngôn ngữ, đặc biệt là nghiên cứu tục ngữ - một trong những đơn vị ngôn ngữ chứa đựng nhiều thành tố văn hóa dân gian nhất. Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy, đối chiếu tục ngữ 12 con giáp tiếng Hàn với các ngôn ngữ khác có các nghiên cứu tiêu biểu sau: tác giả Choi Mee Young (2006) so sánh tục ngữ tiếng Hàn và tiếng Nhật, tác giả Wi Yeon (2016) đối chiếu ý nghĩa biểu trưng của tục ngữ tiếng Hàn và tiếng Trung, tác giả Jin Hui Hui (2016) đối chiếu cấu trúc ngữ pháp của tục ngữ tiếng Hàn và tiếng Trung... Ngoài ra, có khá nhiều các nghiên cứu ở phạm vi hẹp lấy đối tượng là tục ngữ có yếu tố chỉ một hoặc hai con giáp. Liên quan đến tục ngữ chó, có thể kể đến các công trình sau: tác giả Jung Yu Ji (2004) so sánh các tục ngữ động vật có thành tố chỉ chó, mèo trong tiếng Hàn - Nhật; tác giả Wang Rin (2017) và tác giả Wang Yuk Bi (2017) đều nghiên cứu so sánh tục ngữ chó trong tiếng Hàn và tiếng Trung, trong đó, tác giả Wang Rin tập trung nghiên cứu ý nghĩa ẩn dụ... Trong tiếng Việt, nghiên cứu đối chiếu tục ngữ động vật tiếng Hàn - Việt được các nhà nghiên cứu chú ý, có thể kể

tới các công trình sau: tác giả Lê Thị Hương (2015) nghiên cứu về thành ngữ, tục ngữ Hàn Quốc nói về động vật, thực vật (một vài so sánh với Việt Nam); tác giả Son Sun Yeong (2015) phân tích giá trị biểu trưng của 12 con giáp trong tục ngữ tiếng Việt và tiếng Hàn... Các nghiên cứu đối chiếu trên ngữ liệu tục ngữ có yếu tố chỉ con chó có: nhóm tác giả Hoàng Thị Yến, Bae Yang Soo (2019) nghiên cứu hình ảnh con chó trong tục ngữ tiếng Hàn (liên hệ với tiếng Việt); nhóm tác giả Hoàng Thị Yến, Lâm Thị Hòa Bình, Bae Yang Soo (2020) nghiên cứu thành tố văn hóa của tục ngữ có yếu tố chỉ con chó trong tục ngữ Hàn, đối chiếu với tiếng Việt và tiếng Anh...

Có thể thấy, các công trình nghiên cứu về tục ngữ trong tiếng Hàn và tiếng Việt đã đạt được nhiều thành tựu cả về mặt ngôn ngữ và văn hóa. Tuy nhiên, nghiên cứu Hàn Quốc học nói chung và Hàn ngữ nói riêng ở Việt Nam vẫn là ngành khoa học non trẻ nên trong nghiên cứu đối chiếu Hàn - Việt vẫn tồn tại nhiều khoảng trống. Đó là cần có thêm các công trình nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện, sâu sắc về tục ngữ con giáp về đặc điểm ngôn ngữ và chức năng phê phán, giáo huấn... của tục ngữ tiếng Hàn trong sự đối chiếu, so sánh với tiếng Việt.

II. Cơ sở lý thuyết

Tục ngữ thường được hiểu là kết cấu ngắn gọn, có vần điệu và cấu trúc ổn định chuyên tải thông điệp nghệ thuật. Tục ngữ lưu giữ một kho tàng tri thức và

kinh nghiệm của một dân tộc, có giá trị giáo huấn, truyền kinh nghiệm và giá trị phê phán, châm biếm sâu sắc, phản ánh cuộc sống vật chất và tinh thần, phong tục, tập quán của dân tộc đó. Tục ngữ động vật bao gồm các đơn vị có liên quan tới động vật, lấy động vật làm đề tài hoặc so sánh với những đặc tính của động vật. Tục ngữ động vật có thể chia thành hai loại sau: các đơn vị đề cập tới bản năng hay tập tính của động vật và các tục ngữ nhân hóa tính cách của động vật (John Mark D Minguillan 2006, tr.15). Tác giả Yu Yong Hyeon (2000, tr.33) tóm tắt các đặc trưng của động vật trở thành đề tài trong tục ngữ như sau: i) Là những động vật thường gặp, gần gũi với loài người; ii) Có thể thân thiện hay thù nghịch với loài người; iii) Từ xưa đã được thần thánh hóa và là một trong những đối tượng được sùng bái; iv) Có hình dáng, đặc tính lạ thường và được lưu giữ lâu trong tâm trí của loài người.

III. Phương pháp nghiên cứu

Theo kết quả thống kê ngữ liệu của chúng tôi từ công trình của Song Jae Seon (1997) thu được 986 đơn vị tục ngữ chó. Các đơn vị có ý nghĩa biểu đạt ý nghĩa giá trị giáo huấn, cảnh báo, truyền kinh nghiệm gồm 240 đơn vị (100%), phân bố như sau:

1) Giá trị giáo huấn 52/240 đơn vị (chiếm 21,7%);

2) Giá trị truyền kinh nghiệm 120/240 đơn vị (chiếm 50%);

3) Giá trị cảnh báo 68/240 đơn vị (chiếm 28,3%).

Từ điển Tiếng Việt (2006) của Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê (chủ biên) định nghĩa *giáo huấn* và *cảnh báo* như sau:

giáo huấn đ. (hoặc d.) Dạy bảo điều hay lẽ phải (tr.394);

cảnh báo I đ. Báo cho biết một điều nguy ngập. II d.(chm.) Thông báo của hệ thống khi thấy khả năng có một sai sót trong công việc thông thường của máy tính (tr.110).

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi phân tích giá trị giáo huấn, cảnh báo của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó, ít nhiều có liên hệ với tiếng Việt để làm rõ một vài nét tương đồng và khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa của hai dân tộc. Các phương pháp miêu tả, phân tích thành tố nghĩa... được chúng tôi lựa chọn sử dụng kết hợp với các thao tác phân tích, tổng hợp và dịch văn học. Thao tác liên hệ so sánh với tiếng Việt hướng tới làm rõ điểm tương đồng và khác biệt cơ bản về ý nghĩa và phương thức biểu đạt. Tuy nhiên, thao tác liên hệ được chúng tôi thực hiện một cách linh hoạt – chỉ so sánh khi có các đơn vị tương ứng hoặc liên hệ khi có các đơn vị khác hình thức biểu đạt (không sử dụng chất liệu thẩm mỹ là con chó) nhưng có chung giá trị chức năng giáo huấn hay cảnh báo. Việc tìm kiếm các đơn vị tương ứng 1 đối 1 trong tục ngữ có yếu tố chỉ con chó trong hai ngôn ngữ ở tất cả các ý nghĩa khái quát hay giá trị chức năng là không thể thực hiện được, bởi trong thực tế nó không tồn tại. Nguồn ngữ liệu thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt với khoảng 1.100 đơn vị được thu thập từ các công trình sau: Mã Giang Lân (1999), Hoàng Văn Hành (2003), Vũ Ngọc Phan (2008), Nguyễn Văn Nở (2008), Nguyễn Lân (2016)... Về mặt ý nghĩa, một số các đơn vị tục ngữ tiếng Hàn có thể biểu đạt ý nghĩa tương ứng với ý nghĩa của một số các đơn vị thành ngữ trong tiếng Việt (ví dụ: 개와

고양이다(nhu) chó với mèo), vì vậy, chúng tôi đưa thêm một vài đơn vị thành ngữ tiếng Việt khi liên hệ, phân tích.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Giá trị giáo huấn của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó

Bài học giáo huấn đạo đức của người Hàn thể hiện qua tục ngữ có yếu tố chỉ con chó thể hiện ở các khía cạnh sau: i) đề cao tính nhân văn; ii) coi trọng lễ nghi, bổn phận; iii) đề cao ân huệ; iv) đề cao giá trị của lao động; v) đề cao bản lĩnh sống.

4.1.1. Đề cao tính nhân văn

Theo Từ điển tiếng Việt (2006, tr.710), *nhân đạo* là “đạo đức thể hiện ở sự thương yêu, quý trọng và bảo vệ con người”. Trong tục ngữ tiếng Hàn, tính nhân đạo thể hiện ở việc đối xử với người dưới, việc giáo dục con cái, ứng xử với đồng loại, đồng bào một cách nhân văn...

1) Không đánh/đuổi/mắng chó khi đang ăn: 밥 먹는 개는 때리지 않는다 *không đánh chó đang ăn cơm*, 밥 먹는 개는 쫓지 않는다 *không đuổi chó đang ăn cơm*, 먹을 때는 개도 욱하지 않는다 *khi ăn, dù là chó cũng không mắng*. Hành động này cho thấy tính nhân văn sâu sắc. Trong cách nhìn của người Hàn thì thậm chí đến chó cũng biết và tuân thủ qui tắc đó: 개도 먹는 개는 때리지 않는다 *chó cũng không cắn chó đang ăn*. Tục ngữ tiếng Việt cũng có câu: *Trời đánh còn tránh miếng ăn ...*

2) Về quan điểm giáo dục có hay không sử dụng bạo lực với trẻ em, người Việt xưa có câu: *Yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi*: thể hiện quan điểm cần nghiêm khắc dạy dỗ - kể cả là roi vọt - thì trẻ mới nên người. Người Hàn cũng thể

hiện khá rõ quan điểm giáo dục của dân tộc mình qua tục ngữ có yếu tố chỉ con chó, ví dụ như: i) Nếu có đánh, có trừng phạt thì cũng cần chú ý tôn trọng nhân cách của người dưới: 빗자루로는 개도 안 때린다 *đánh chó cũng không đánh bằng cán chổi*: vì cán chổi bản, nếu dùng để đánh thì mất thể diện. ii) Người Hàn cho rằng: Dù là người sai lầm, mắc lỗi nhưng có hành động thân thiện, biết hối cải thì cũng nên tha thứ: 꼬리 치는 개는 때리지 못한다 *không thể đánh chó vẫy đuôi*. Cũng như vậy, người Việt có câu: *Đánh kẻ chạy đi không đánh kẻ chạy lại*

3) Chó là động vật nhưng không ăn thịt đồng loại: 개도 개 뼈다귀는 먹지 않는다 *chó cũng không ăn xương chó*, 개는 개를 잡아먹지 않는다 *chó không ăn thịt chó*: giáo huấn con người nên thương yêu lẫn nhau, không làm hại, chém giết đồng loại. Tiếng Việt có các câu: *Hổ dữ không ăn thịt con, Bâu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn...* thể hiện tình mẫu tử, tình anh em cùng huyết thống và tình đồng bào, đồng tộc gắn bó.

4.1.2. Coi trọng thể diện, lễ nghi, bổn phận

Chịu ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo, các dân tộc thuộc khu vực văn hóa Hán coi trọng thể diện, danh dự. Đặc biệt luôn tuân thủ các qui định về lễ nghi và ý thức bổn phận (theo vị thế trong gia đình và tôn ti, trật tự xã hội). Trong tục ngữ, ý nghĩa giáo huấn được thể hiện như sau:

1) Thể diện của con người được coi trọng: 포수집 개는 호랑이가 물어가도 말을 못한다 *chó nhà thợ săn có bị hổ tha cũng không thể nói*: sợ mất thể diện. 개도 족보가 있다 *chó cũng*

có gia tộc: con người có nguồn gốc, gia đình. Người Việt dùng hình ảnh: *Chim có tổ, người có tông...*

2) Chó sống gần người nên so với các loài vật nuôi khác cũng có phần chịu ảnh hưởng nhiều hơn. Con người càng đối xử tốt với chó, coi chó như người bạn, chó càng khôn, có những cách ứng xử, hành động gần với con người: *개밥을 주고도 (우리) 해야 먹는다 cho chó ăn cơm cũng phải êu êu chó mới ăn*: con người ai cũng có thể diện; *개밥도 갔다 주고 불러야 먹는다* *cơm chó thì cũng phải mang đến, mời mới ăn*. Thông điệp của người xưa chính là: chó cũng cần được tôn trọng như vậy, với con người càng phải giữ lễ, càng phải được tôn trọng như một con người. Người Việt coi trọng thể diện và miếng ăn: *Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp*; họ cũng coi trọng lời mời mọc, lời nhờ vả: *Ăn có mời, làm có khiến...*

3) Xã hội xưa lấy lễ giáo phong kiến Nho giáo làm nền tảng, coi trọng lễ nghi, thứ bậc: i) Khi ăn uống, người dưới phải chào, mời, kính nhường người trên: *개는 꼬리를 치고 나서 먹는다* *chó vẫy đuôi rồi ăn*: trước khi ăn phải chào hỏi, có lễ nghi, biết cảm ơn; ii) Khi có lỗi phải tỏ ý hối lỗi: *개도 꼬리를 흔들며 제 잘못을 안다* *chó cũng vẫy đuôi biết lỗi*; iii) Chó gần người, là loài vật trung thành và có nghĩa: *개도 오류를 안다* *chó cũng biết ngữ luân*. (Ngữ luân là phụ tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín). Người Việt đề cao việc dạy dỗ lễ nghi cho con cháu bằng câu: *Tiên học lễ, hậu học văn; Học ăn, học nói, học gói, học mở...*

4) Bản phận, trách nhiệm của con người được xác định theo vai trong gia

đình và xã hội, thể hiện ở các điểm sau trong tục ngữ: i) mỗi người một phận sự, công việc: *개는 도둑을 지키고, 닭은 때를 알린다* *chó giữ trộm, gà báo thức*. Người Việt dùng hình ảnh tương tự: *Chó giữ nhà, gà gáy sáng...*; ii) phải có trách nhiệm, tự xử lý vấn đề của bản thân, không gây ảnh hưởng xấu đến người khác: *개도 뒤 본 자리는 덮는다* *chó cũng lấp chỗ sau khi đi ngoài*. Con người ta sống, khác với các loài động vật khác, còn phải thực hiện bổn phận, nghĩa vụ: *먹고만 산다면 개도 산다* *nếu sống chỉ để ăn thì chó cũng làm được*; iii) biết hài lòng với những gì mình có: *편한 개 팔자 부러워하지 말랬다* *đừng có ganh với số chó sướng*: sống theo đạo lý làm người, không nên ganh ghét, đố kỵ.

4.1.3. Đề cao ân huệ

Truyền thống *Uống nước nhớ nguồn, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* là nét văn hóa tốt đẹp của người Việt. Đây cũng là giá trị đạo đức được người Hàn trân trọng và đề cao. Các đơn vị tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó biểu đạt ý nghĩa liên quan đến lòng biết ơn và cách biểu đạt lòng biết ơn - chủ yếu là theo hướng người dưới đối với người trên, cụ thể là giữa chó và chủ.

1) Chó nhận thức chủ và tỏ thái độ vui mừng, biết ơn: i) Nhận biết chủ *개도 주인을 알아본다* *chó cũng nhận biết chủ nhân*, *개도 제 주인은 안다* *chó biết chủ*. Ngay cả chó dữ cũng biết chủ: *사나운 개도 제 주인은 안다* *chó dữ cũng biết chủ nhân*. Người Việt có câu: *Con không chê cha mẹ khó, chó không chê chủ nghèo*; ii) Tỏ thái độ biết ơn: *개새끼도 주인을 보면 꼬리를 친다* *chó con thấy chủ cũng biết vẫy đuôi*; *개도 제 주인을 보면 반가워한다* *đến chó thấy chủ nhân cũng*

vui mừng; 개도 은혜는 잊지 않는다 *chó cũng không quên ơn...* Người Việt giáo huấn: *Ăn cơm chủ nào sửa cho chủ đấy...*

2) Chó không cắn chủ: 개도 제 주인은 물지 않는다 *chó không cắn chủ*: chó không cắn chủ, người không hại ân nhân, không lấy oán báo ân là giáo huấn của đạo đức con người. Người Việt dùng câu: *Khuyến mã chí tình* để ca ngợi lòng trung thành, tình cảm của chó đối với chủ nhân.

3) Lí do chó biết ơn chủ được người Hàn giải thích trong tục ngữ như sau: i) vì được nuôi dưỡng: 개도 키워 준 은혜는 안다 *chó cũng biết ơn nuôi dưỡng*; ii) vì được cho ăn: 사흘 먹인 개도 은혜를 안다 *chó được cho ăn ba ngày cũng biết ân huệ*, 다섯만 되면 주인을 알아본다 *chỉ 5 ngày chó cũng biết nhận chủ*: chỉ một thời gian không dài cũng là có ân nghĩa[†].

4.1.4. Đề cao giá trị của lao động, đức tính chăm chỉ

Lao động sáng tạo giúp tổ tiên loài người tiến hóa và phát triển nhân cách. Thông qua tục ngữ, người Hàn đề cao giá trị của lao động, khuyên con người phải chăm chỉ mới có thể tạo dựng được cuộc sống vật chất no ấm, thoải mái, dễ chịu:

1) Con người phải chăm chỉ lao động: i) bắt cả gà gô: 부지런한 개가 평도 잡는다 *chó chăm thì gà gô cũng bắt*; ii) chó chăm - được ăn cút nóng: 개도 부지런해야 더운 똥 얻어먹는다 *chó phải chăm chỉ mới có thể được ăn cút nóng*: ý nói người chăm chỉ mới no ấm; iii) đi dạo - bắt gà gô: 나들이하는 개가

평도 잡는다 *chó đi dạo cũng bắt gà gô*. Đây là một thói quen - chó đi dạo, tiện thể săn mồi. Người chăm chỉ, lúc đi chơi cũng tranh thủ làm việc. Nhờ sự chăm chỉ đó, con người dễ gặp may: 개도 벼룩 물어 잡을 때가 있다 *chó cũng có lúc cắn bọ*. Câu *Chó ngáp phải ruồi* trong tiếng Việt chỉ sự ngẫu nhiên, may mắn như vậy.

2) Phải vận động, linh hoạt thì con người mới có cuộc sống no ấm - ý nghĩa giáo huấn này được biểu đạt qua hình ảnh: chó lảng xãng/ đi lại/ chạy quanh - no bụng. Ngược lại, nếu lười biếng sẽ bị đói khát, thậm chí bị trừng phạt. Hai ý nghĩa này tạo thành hai vế đối lập của đơn vị tục ngữ, làm tăng giá trị thuyết phục: 다니는 개는 배 채우고 누운 개는 배 채인다 *chó đi lại thì ăn no bụng, chó nằm thì bị đá vào bụng*, hay: 돌아다니는 개는 배 채우고 누운 개는 옆 채인다 *chó chạy quanh no bụng, chó nằm bị đá cạnh sườn*. Nếu như người Hàn khẳng định: 앓은 개 입에는 똥이 들어가지 않는다 *chó ngòi thì cút không vào mồm*, tuy không phát hiện đơn vị có yếu tố chỉ con chó nhưng người Việt cũng tỏ rõ quan điểm coi trọng và đề cao lao động như sau: *Có làm thì mới có ăn, không dung ai để đem phần cho ta...*

3) Hành động kịp thời, đúng thời điểm sẽ thu được lợi ích lớn: i) dậy sớm - ăn cút sớm: 일찍 일어난 개가 똥도 먼저 먹는다 *chó dậy sớm ăn cút sớm*; ii) đi trước - bắt thỏ: 앞서가는 개가 토끼도 잡는다 *chó đi trước thì bắt được thỏ*: chăm chỉ mới no ấm - *Có làm mới có ăn...*

[†] Trong thành ngữ, tục ngữ, các con số ba, năm thường dùng để chỉ số lượng tương đối với nghĩa là số nhiều. Ở đây, thời gian tính bằng ngày nên dù là số nhiều nhưng nó cũng chỉ có ý nghĩa là trong một thời gian ngắn

4.1.5. Đề cao bản lĩnh sống của con người

Cuộc sống vốn không dễ dàng, con người muốn tồn tại và phát triển, vươn lên để mưu cầu một cuộc sống hạnh phúc hơn cần có bản lĩnh và ý chí, nghị lực. Người Hàn quan niệm như sau:

1) Có lập trường, quan điểm riêng: 개도 먹으라는 똥은 안 먹는다 *chó cũng không ăn cứt bảo ăn*: không làm việc người khác sai khiến.

2) Biết tìm cho mình những người đồng quan điểm, cùng chí hướng để hoàn thành lí tưởng sống: 동네 개가 싸워도 편들어 준다 *chó làng có đánh nhau cũng phải nhập bọn*: có xung đột nhất thiết phải chọn bên.

3) Có ý chí, nghị lực nhận sai và sửa sai, không lặp lại lỗi lầm: 개도 얻어맞은 골목에는 가지 않는다 *chó cũng không đi vào ngõ bị đánh*: con người biết nhìn thẳng vào sự thật, rút kinh nghiệm để không tiếp tục bị sai lầm, tránh thiệt hại.

Qua tục ngữ, có thể thấy, những "điều hay, lẽ phải" mà người Hàn muốn răn dạy người đời sau chính là lòng yêu thương, tôn trọng con người, là sự tri ân đối với những người nuôi dưỡng, dạy dỗ mình. Người Hàn cũng như người Việt luôn đề cao giá trị của lao động, coi trọng thể diện, lễ nghi, bổn phận và trách nhiệm của cá nhân đối với gia đình, xã hội. Ý chí và bản lĩnh sống, ý thức cộng đồng cũng là những bài học giáo huấn thể hiện rõ trong tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó.

4.2. Giá trị cảnh báo

Nhóm giá trị cảnh báo thể hiện qua tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó đề

cập tới các mối nguy hiểm, tổn thất/thiệt hại, luật nhân quả hay kẻ xấu...

4.2.1. Cảnh báo nguy hiểm

Trong ngữ liệu tục ngữ có yếu tố chỉ con chó, những cảnh báo về nguy hiểm của người Hàn thể hiện như sau: chó cắn, nguy cơ bị thiệt hại, các mối đe dọa khác như bệnh truyền nhiễm/bị thương...

4.2.1.1. Nguy hiểm do chó dữ, chó cắn

1) Chó dữ: thường gây hại cho người, không phân biệt là người dân thường hay trộm cắp: 개도 사나운 개는 피해 간다 *chó cũng tránh chó dữ*, 개도 사나운 개를 돌아본다 *chó cũng dè chừng/ đề phòng chó dữ*: người nên đề phòng và tránh người dữ, người ác cho lành.

2) Chó cắn: i) thường không nhe răng: 무는 개는 이빨을 보이지 않는다 *chó cắn không cho thấy răng* (không nhe răng): người định hại người khác thường che giấu âm mưu; ii) không sửa: 무는 개는 짚지 않는다 *chó cắn không sửa*: chó hay cắn trộm thường không sửa, bất ngờ tấn công người - ví với những người có dã tâm thường không thể hiện, che giấu; iii) cắn trộm: 앞에서 꼬리 치던 개가 뒤에서 발뒤꿈치 문다 *trước mặt chó vẫy đuôi, sau lưng chó cắn gót chân*: trước mặt thì xu nịnh, giả thân thiện, sau lưng thì mưu hại.

4.2.1.2. Cảnh báo tổn thất, thiệt hại

1) Khi lợi ích bị xâm hại hoặc tổn thất, con người/ hay động vật đều có thể phản kháng: 개도 제 밥그릇을 차면 문다 *nếu bị đá bát cơm của mình thì chó cũng cắn* - thái độ phản kháng đối với bất công, áp bức, người dù yếu sức nhưng nếu quyền lợi bị xâm hại cũng phản kháng.

2) Tục ngữ Hàn cũng cảnh báo sự thay đổi, biến chất, phản bội của con người. Trong cuộc sống, con người thường có thể chung sức lúc hoạn nạn nhưng khó cùng chia sẻ lợi ích. Tục ngữ Hàn có câu: 들짐승을 다 잡게 되면 사냥개도 잡아먹는다 *nếu bắt hết thú hoang thì chó săn cũng bị bắt thịt* - hết tác dụng thì bị thải. Người Việt dùng hình ảnh: *Ăn cháo đá bát, vắt chanh bỏ vỏ, qua sông đắm buôi vào sóng...*

3) Tồn thất có thể ở mức độ nhẹ hơn trong những tình huống mọi sự bị sai lệch so với ban đầu dự tính: 사당 치레 하다가 신주 개 물려 보낸다 *đang hành lễ ở từ đường thì bài vị bị chó tha*; 작은 마자 구멍에 노랑개 주둥이 내밀듯 한다 *như mõm chó vàng thò qua lỗ rào rom...*

4.2.1.3. Nguy hiểm do nguyên nhân khác

Những mối nguy hiểm có thể đe dọa cuộc sống của con người phản ánh qua tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó khác đa dạng: bệnh tật, bị thương, bị đói, ở vào thế bế tắc không lối thoát...

1) Bệnh truyền nhiễm: 미친개에 물리면 광견병에 걸린다 *nếu bị chó dại cắn sẽ mắc bệnh dại* (cuồng khuyển); 염병에는 개도 들여보내지 말랬다 *đừng cho chó gần bệnh truyền nhiễm*: kể cả chó cũng cần tránh xa bệnh truyền nhiễm;

2) Bị bồng: 불 붙은 개 대가리요, 댕진 물은 뱀 대가리다 *đầu chó dính*

lửa, đầu rắn dính nicotin (đầu lọc thuốc lá)

3) Bị thương: 개 꼬랑지를 벤다 *cắt đuôi chó*

4) Vào đường cùng: thể hiện năng lực vượt trội, có thể liều mạng: 개가 도망 갈 구멍이 없으면 물고 덤빈다 *nếu không có lối thoát, chó xông lên cắn*: *Chó cùng cắn giậu*; 막다른 골목에 든 강아지는 범도 문다 *bị dồn vào đường cùng chó con cũng cắn hổ*. Vì thế, không nên đuổi cùng giết tận, nên để lại cho mình và người đường lui: 개도 나갈 구멍을 보고 쫓으랬다 *đuổi chó cũng phải chừa lối thoát...*

5) Bị đói khổ: Đói khổ cũng là một mối nguy hiểm bởi nó đe dọa đến tính mạng con người: 사흘 굶은 개는 몽둥이도 두려워하지 않는다 *chó đói ba ngày thì roi cũng không sợ*.

4.2.2. Cảnh báo luật nhân quả

Phật giáo ảnh hưởng đến bán đảo Hàn từ khá sớm và luật nhân quả là một trong những giáo lý cơ bản của Phật giáo[‡]. Ý nghĩa *Gieo nhân nào gặt quả ấy* thể hiện qua tục ngữ tiếng Hàn với các hình ảnh mang cấu trúc như sau:

1) Hình ảnh 사나운 개도 입 성할 날 없다 *chó dữ cũng không có ngày lành miệng* - hay đánh nhau nên vết thương khó lành, 사나운 개도 콧등 아물 날 없다 *chó dữ cũng không có ngày sống mũi lành*; hại người bản thân cũng không tốt đẹp gì:

‡ Theo Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2017, tr.88-91), Trần Ngọc Thêm (2011, tr.239-255), đạo Phật là học thuyết về đau khổ và sự giải thoát. Cốt lõi của giáo lý này là Tứ diệu đế: Khổ đế là chân lý về bản chất của nỗi khổ. Tập đế (hay Nhân đế) là chân lý về nguyên nhân của nỗi khổ. Diệt đế là chân lý về cảnh giới diệt khổ. Đạo đế là chân lý chỉ ra con đường diệt khổ. Theo đó, nguyên nhân của nỗi khổ là do ái dục và vô minh, thể hiện thành hành động gọi là nghiệp, hành động xấu khiến con người phải chịu nghiệp báo.

2) Hình ảnh개도 싸다니면 몽둥이에 맞는다 *nếu chó lẳng quăng cũng bị đòn*: người đi lang thang thế nào cũng gặp họa. Với ý nghĩa tương tự, người Việt dùng hình ảnh *Đi đêm lắm có ngày gặp ma*; 아기가 떠들면 매를 맞고 개가 너털거리면 범이 물어간다 *trẻ con ồn ào thì ăn roi, chó làm loạn thì hổ tha*: nếu sống bừa bãi, phá phách sẽ gây rối và sớm muộn phải chịu họa.

3) Hình ảnh 개 등에 올라타면 사타구니가 저린다 *nếu trèo lên lưng chó cười thì háng đau*: trẻ con cười lưng chó có thể ngã đau; 개 등에 올라타면 옷복이 없어진다 *nếu leo lên lưng chó thì manh áo không còn*: người hành động thiếu suy nghĩ sẽ phải chịu hậu quả xấu:

4) Hình ảnh 개 옆에 있으면 벼룩만 옮는다 *ở cạnh chó chỉ có lây bọ*; 개와 친하면 옷에 흠칠만 한다 *nếu thân với chó, áo sẽ vấy bùn*: ý nói ở cạnh người xấu sẽ lây tính xấu hoặc bị vạ lây. Người Việt dùng hình ảnh: *Gần mực thì đen (gần đèn thì rạng)* để biểu đạt ý nghĩa này.

5) Người nhàn rỗi hay bày trò nghịch dại, sẽ chuốc lấy phiền toái: 걱정할 일이 없으면 누운 개 밟으랬다 *nếu không có việc phải lo lắng thì hãy dẫm vào chân chó đang nằm*: Người vô công rỗi nghề thường gây chuyện. Câu 누운 개 밟는다 *giẫm chó đang nằm* chỉ người có hành động tùy tiện, không có mục đích, chỉ chuốc phiền toái cho bản thân...

6) Bên cạnh đó, những lỗi lầm, thói quen xấu hoặc khiếm khuyết có thể dẫn đến hậu quả xấu, ví dụ: i) chó mù: 눈 먼 개가 씨암탉 물어죽인다 *chó mù cắn chết gà mái giống*: việc phán đoán sai dễ gây thiệt hại; ii) hàng rào mực: 울타리가 혈면 이웃집 개가 드나든다 *nếu hàng*

rào mực thì chó hàng xóm ra vào tự do: ý nói, ai đó có nhược điểm, bị người khác coi thường; iii) uống rượu: 숲속 꿩은 개가 내쫓고 오장 속의 말은 술이 내쫓는다 *gà gô bị chó đuổi, lời gan ruột bị rượu nói*. Người Việt có câu: *Rượu vào lời ra*; iv) dữ tợn: 술집 개가 사나우면 술이 안 팔린다 *chó quán rượu dữ thì không bán được rượu* ý nói, tiếp đón không niềm nở quán sẽ mất khách. Người Việt có cách biểu đạt tương tự và trực tiếp hơn: *Dâu dữ mất họ hàng, chó dữ mất láng giềng*; v) gấp vội: 약빠른 개가 상 못 얻는다 *chó nhanh không thể nhận thưởng*: ý nói người vội vàng dễ thất bại: ý nghĩa này tương ứng với câu *Nhanh ẩu đoảng* của người Việt; vi) nóng giận: 똑배기로 개 때린다 *đánh chó bằng nôi đất, niêu sành*: nóng giận mất khôn, hành động và lời nói khi thiếu bình tĩnh khó kiểm soát, dễ gây thiệt hại giống như việc đánh chó bằng nôi sành sẽ bị vỡ ...

7) Đôi khi, vì thiếu sáng suốt, không cẩn thận khi dùng người, chúng ta có thể phải chịu hậu quả khó lường: 개가 미치면 사람을 가리지 않고 문다 *chó dại cắn không phân biệt người*; 개도 미치면 주인을 문다 *nếu chó dại thì cắn chủ*: ví người điên/người xấu thì ai cũng gây sự, có thể gây họa, thậm chí cắn cả chủ, người mình chịu ơn. Trong tục ngữ tiếng Việt cũng có các câu với ý nghĩa tương ứng: *Dưỡng hổ di họa, Nuôi ong tay áo...* Người Việt lên án kẻ vô ơn, phản bội là: *Chó phản chủ..*

8) Qua tục ngữ, người Hàn cũng cảnh báo con người nên biết đủ, cũng nên biết nghĩ cho người khác, đừng chỉ vì lợi ích của cá nhân mình: i) đánh chó: 남의 개 때린다는 것이 제 개가 맞아 죽는다 *bảo là đánh chó người khác nhưng chó*

mình lại bị đánh trúng chết. Người Việt dùng hình ảnh: *Gậy ông đập lưng ông*. Hay một cách biểu đạt khác: 고깃덩이로 개때리기다 *đánh chó bằng tảng thịt*: định hại người mình ghét nhưng cuối cùng lại làm lợi cho họ...; ii) chó nuôi hai chùa: 두 절에서 기르는 개 굶듯 한다 *như chó nuôi ở hai chùa chịu đói*: Người Việt cảnh báo cho người không chung thủy trong tình cảm yêu đương: *Lắm mối tối nằm không*.

9) Cảnh báo hậu quả của việc làm thiếu suy nghĩ, tùy tiện - dù chỉ một lần - sẽ mang lại điều tiếng không tốt. Biểu đạt nội dung này, xuất hiện cấu trúc [chó ia một lần - địa điểm] với địa điểm là bệ bếp 부뚜막, ruộng rau 나물밭, cánh đồng gai 삼밭, ruộng xà lách 상추밭, ví dụ: 부뚜막에 한 번 똥 눈 강아지는 늘 저 강아지 저 강아지 한다 *chó con một lần ia trên bệ bếp luôn bị chỉ trích con chó con kia con chó con kia...* Người Việt quan niệm: *Làm việc tốt bao nhiêu cũng không đủ, làm việc xấu một lần cũng là nhiều...*

10) Những người làm việc xấu thường bị người đời coi thường, đũa đá: 남새밭에 똥 눈 개 쫓듯 한다 *như đũa chó ia bậy trong vườn rau...*

Có thể thấy tư tưởng hướng thiện của hai dân tộc thể hiện phong phú qua quan niệm *Khuyến thiện trừng ác* trong tục ngữ. Phật giáo là tôn giáo nhập thế và có ảnh hưởng lớn, sâu rộng đến đời sống tinh thần của hai dân tộc. Đặc biệt là thuyết luân hồi và luật nhân quả, lòng từ bi... có tác động tích cực đến việc tu dưỡng đạo đức của con người.

4.2.3. Cảnh báo đối với kẻ xấu

Kẻ xấu thể hiện trong tục ngữ chính là kẻ trộm - chó ăn vụng và kẻ tham lam:

1) Kẻ có hành động lén lút: 도둑개가 꼬리를 사린다 *chó ăn trộm cup đuôi* - người làm việc xấu thường không đàng hoàng, lén lút, 도둑개 눈치보듯 한다 *như chó ăn vụng nhìn thái độ, lấm lét, dè chừng*, 도둑개 헌바자 찌르듯 한다 *như chó ăn vụng xuyên qua lỗ hàng rào cũ* - người trộm luôn rình cơ hội để trộm đồ, 도둑개 헛눈질하듯 한다 *như chó trộm quan sát tình huống*: trộm luôn quan sát xung quanh để hành động và tìm đường chạy trốn

2) Kẻ không đáng tin: 못 믿는 도둑개다 *chó ăn vụng không thể tin*,

3) Kẻ không béo được: 도둑개 살안 찐다 *chó ăn vụng không béo*: người làm việc xấu tâm không an, luôn nom nớp, lo sợ.

4) Kẻ tham lam: Vận may không tới với những kẻ tham lam: 똥 탐내는 개 대가리에 똥칠 떨어질 날 없다 *chó tham cướp, không có ngày cướp rơi xuống đầu*: người tham tiền, không có ngày tiền tự nhiên rơi xuống đầu. Người Việt tin rằng: *Xởi lời trời cho và Thế gian đãi kẻ khù khờ...*

Cảnh báo là một giá trị biểu trưng quan trọng của tục ngữ. Tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó biểu đạt nội dung cảnh báo về những mối nguy hiểm đến từ những con người có phẩm chất đạo đức xấu; cảnh báo những tổn thất, thiệt hại có thể đến từ những hành động hay cách ứng xử của môi trường xung quanh tác động đến con người. Đặc biệt là cảnh báo hậu quả xấu có thể đến do chính những suy nghĩ thiếu chín chắn, hành động sai trái và thái độ không đúng đắn của bản thân mỗi người, đó chính là nhân duyên xấu chúng ta đã gieo, đã tạo trước đây.

IV. Kết luận

Bài viết phân tích rõ giá trị giáo huấn, cảnh báo của tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ con chó và những nét tương đồng, khác biệt trong so sánh với tiếng Việt. Giá trị giáo huấn trong tục ngữ chó mang đậm nét văn hóa Phương Đông, thể hiện ở tính nhân văn sâu sắc. Bên cạnh lời cảnh báo đối với những mối nguy hiểm từ môi trường và con người xung quanh, người Hàn cũng như người Việt chịu ảnh hưởng sâu sắc của luật nhân quả của Phật giáo. Nếu như giá trị giáo huấn định hướng con người một cách tích cực về những giá trị tốt đẹp, thì giá trị cảnh báo như tiếng chuông cảnh tỉnh con người về những hiểm họa, nguy hiểm cần tránh xa. Những nét tương đồng và khác biệt về cách thức tri nhận, liên tưởng cũng như phương thức biểu đạt của tục ngữ cho thấy hai dân tộc Hàn - Việt có mối giao lưu lâu dài và sâu sắc. Đây là một trong những nhân tố giúp thúc đẩy quan hệ hợp tác và giao lưu quốc tế của hai nước ngày càng phát triển toàn diện và bền chặt.

Tài liệu tham khảo:

Tiếng Việt

- [1]. Hoàng Văn Hành (2003), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, (2003).
- [2]. Lê Thị Hương, *Thành ngữ, tục ngữ Hàn Quốc nói về động vật và thực vật (một vài so sánh với Việt Nam)*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học ĐHKHXH&NV – ĐHQGHN, (2015).
- [3]. Mã Giang Lân, *Tục ngữ và ca dao Việt Nam*, Nxb Giáo dục, (1999).
- [4]. Nguyễn Lân, *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng, (2016).
- [5]. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, Nxb Văn học (2008).

[6]. Son Sun Yeong, *So sánh biểu trưng của 12 con giáp trong tục ngữ Việt Nam và Hàn Quốc*, Luận văn thạc sĩ, Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQGHN, (2015).

[7]. Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, (2006).

[8]. Hoàng Thị Yến, Bae Yang Soo, Hình ảnh con chó trong tục ngữ tiếng Hàn (liên hệ với tiếng Việt), *Nghiên cứu Đông Nam Á* (동남아 연구), (2019) 29권, 3호, tr131-164

[9]. Hoàng Thị Yến, Lâm Thị Hòa Bình, Bae Yang Soo, Cultural components in Korean sokdam (속담 俗談) using the lexical element of “dog” in comparison with Vietnamese and English equivalents, *The Vietnamese Studies Review (VSR)*, (2020) 1 (18), tr.55-108

Tiếng Hàn

[10]. Choi Mee Young, *Phân tích so sánh tục ngữ động vật Hàn Nhật, trọng tâm là động vật 12 con giáp*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Kyunghee HQ (2006). 최미영, 한.일 양국의 동물 속담 비교 분석- 12지 동물을 중심으로-, 경희대학교, (2006).

[11]. John Mark D Minguillan (2006). *So sánh tục ngữ động vật của Hàn Quốc và vùng văn hóa Anh Mỹ theo quan điểm ngôn ngữ văn hóa*. Luận văn thạc sĩ. Đại học Jeonnam HQ (2006). John Mark D. Minguillan. 한국과 영미 문화권 동물 속담의 문화 언어학적 비교. 전남대학교, 석사논문, (2006).

[12]. Jin Hui Hui, *Nghiên cứu đối chiếu cấu trúc ngữ pháp của tục ngữ động vật trong tiếng Hàn và tiếng Trung: trọng tâm và động vật 12 con giáp*, Luận văn thạc sĩ, Đại học KyungHee HQ (2016). Jin Hui Hui, 한중 동물 속담의 문법 구조에 대한 대조 연구: 12지지 동물의 속담을 중심으로. 경희대학교, (2016)

[13]. Jung Yu Ji, *Nghiên cứu so sánh tục ngữ động vật Hàn - Nhật: trọng tâm là chó và*

mèo, Luận văn thạc sĩ, Đại học Hanyang, HQ, (2004). 정유지, 한·일 동물 관련 속담의 비교 연구- 개와 고양이를 중심으로-, 한양대학교, (2004)

[14]. Song Jae Seun, *Từ điển tục ngữ động vật*. Dongmunseon (1997). 송재선, 동물 속담 사전. 東文選 (1997).

[15]. Wang Rin, *Nghiên cứu ẩn dụ của tục ngữ liên quan đến chó trong tiếng Hàn và tiếng Trung*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Dongkuk, HQ, (2017). 왕린, 한·중 ‘개’ 관련 속담의 은유 연구, 동국대학교, (2017).

[16]. Wang Yuk Bi, *Nghiên cứu so sánh tục ngữ động vật trong tiếng Hàn và tiếng Trung, trọng tâm là tục ngữ liên quan đến chó*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Hanyang, HQ, (2017). 왕육비, 한·중 동물 속담의 비교 연구: ‘

개’에 관한 속담 중심으로, 한양대학교, (2017).

[17]. Wi Yeon, *Nghiên cứu đối chiếu ý nghĩa biểu trưng của tục ngữ động vật 12 con giáp trong tiếng Hàn và tiếng Trung*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Youngnam, HQ, (2016). 위연, 한·중 12지신 동물 속담의 상징의미 대조 연구, 영남 대학교 대학원, (2016).

[18]. Yu Yong Hyeon, *Nghiên cứu tục ngữ động vật Hàn Quốc (theo quan điểm ngôn ngữ học)*. Luận văn thạc sĩ, Đại học Chungbuk. HQ, (2000). 유용현, 한국 동물 속담 연구 (언어학적), 충북대학교 석사논문, (2000).

Địa chỉ tác giả: Trường Đại học quốc gia Hà Nội

Email: hoangyen70@gmail.com